TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v Tranh chấp " hôn nhân và gia đình về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn

2. Bà Trần Thị Thúy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 335/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018, "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số 3671, ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.(có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Số 2335, ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.(vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị L, sinh năm: 1963.
Địa chỉ: ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.(có măt).

2. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên quốc tế V
Địa chỉ: Đường K, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền ông H – Giám đốc điều hành cấp cao.
Đại diện theo ủy quyền lại là ông Dư Hoàng H –
Nhân viên quản lý công nợ.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2018 và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày: Chị và anh L chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn.Thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên cờ bạc, uống rượu, không lo làm ăn, chị có khuyên can nhưng anh L không từ bỏ, nên chị mới bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung là Nguyễn Phương Bảo N, sinh ngày 10-9-2015, hiện cháu N đang sống với anh L. Nay chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị có nợ bà Trần Thị L số tiền 85.000.000 đồng và 12 chỉ vàng 9999. Ngoài ra không còn nợ ai khác về nợ chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 28 tháng 5 năm 2018 bị đơn anh Nguyễn Hoàng L trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng, anh không trình bày gì thêm. Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị T; Về con chung: Anh yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Phương Bảo N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: có nợ công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên ngân hàng V và công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên quốc tế V. Ngoài ra không nợ ai khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị L trình bày:Vợ chồng T và L có nợ bà tiền 85.000.000 đồng và 12 chỉ vàng 9999. Nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 16-7-2016 người đại diện theo ủy quyền của công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên quốc tế V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên ngân hàng V Tòa án có quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ buộc anh L cung cấp địa chỉ nhưng đã quá thời gian quy định mà anh L không cung cấp được địa chỉ nên không làm việc được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không lý do; Người đại diện theo ủy quyền của công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên quốc tế V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh L; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương Bảo N, sinh ngày 10-9-2015 cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu; Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; Nợ chung: Bà L và Công ty tài chính trách nhiệm

hữu hạn một thành viên quốc tế V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Đối với công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên ngân hàng V, Tòa án có quyết định buộc anh L cung cấp địa chỉ nhưng đã quá thời hạn quy định mà anh L không cung cấp được địa chỉ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên quốc tế V có xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh L chung sống với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: Do anh L thường xuyên cờ bạc, uống rượu, không lo làm ăn mặc dù chị T có khuyên can nhưng anh L không từ bỏ, nên vợ chồng mới có lời qua tiếng lại và chị T bỏ nhà đi. Anh chị sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh L đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương Bảo N, sinh ngày 10-9-2015. Nay anh chị đều có yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của anh chị thì thấy: Hiện cháu N đang sống chung với anh L, cháu vẫn phát triển bình thường nên giao cháu N cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục là có căn cứ. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các chủ nợ như bà L và Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên quốc tế V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Đối với công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên ngân hàng V, Tòa án có quyết định buộc anh L cung cấp địa chỉ nhưng đã quá thời hạn quy định mà anh L không cung cấp được địa chỉ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T đối với anh Nguyễn Hoàng L. Chị T được ly hôn với anh L.

2. Về con chung: Giao anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương Bảo N, sinh ngày 10-9-2015, chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Các chủ nợ như bà Trần Thị L và Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên quốc tế V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Đối với công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên ngân hàng V, Tòa án có quyết định buộc anh L cung cấp địa chỉ nhưng đã quá thời hạn quy định mà anh L không cung cấp được địa chỉ nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013399 ngày 02-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị T, bà L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riệng anh L, Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên quốc tế V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tài